

CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI  
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI  
-----☐-----

# BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017  
& KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

-----☪-----

THÁNG 6-2018



---\*---

---\*---

*Hà nội, ngày tháng năm 2018*

## **BÁO CÁO**

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 & KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2017 và triển khai kế hoạch SXKD năm 2018, các giải pháp thực hiện, cụ thể như sau:

#### **PHẦN I:**

#### **KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017**

##### **I. MỤC TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017**

Trong năm 2017 vừa qua thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được thông qua Đại hội cổ đông Công ty cổ phần nước sạch số 3 Hà Nội đã đưa ra các mục tiêu chính như sau:

- Doanh thu và thu nhập khác (Không thuế phí) **161.856.000.000đ.**
- Tỷ lệ nước thu tiền đạt **77,4 %**.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ đạt **24.86%**.
- Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ đạt **20%**;
- Tạo việc làm ổn định cho người lao động. Thu nhập bình quân của người lao động đạt **10.700.000** đồng/người/tháng;
- Sắp xếp lại công tác nhân sự, bố trí lực lượng lao động phù hợp.
- Nộp ngân sách đầy đủ theo Luật định.
- Sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính, huy động thêm vốn tín dụng từ các ngân hàng nhằm chủ động nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, đầu tư và phát triển doanh nghiệp.
- Phát huy vai trò làm chủ của người lao động, của các cổ đông, tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp, đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017:

### 1. Thực hiện cấp nước & tỷ lệ nước thu được tiền năm 2017:

| TT  | Chỉ tiêu                                | ĐV             | Nghị quyết ĐHCĐ2017 | Thực hiện 2017    | % TH so với NQ ĐHCĐ |
|-----|---|----------------|---------------------|-------------------|---------------------|
|     | (1)                                     | (2)            | (3)                 | (4)               | 5 =4/3              |
| 1   | <b>Tổng nguồn cấp</b>                   | m <sup>3</sup> | <b>17.099.162</b>   | <b>17.229.711</b> | <b>100,76</b>       |
| 1.1 | Nước SX                                 | m <sup>3</sup> | 3.230.220           | 3.318.562         | 102,73              |
| 1.2 | Mua nước từ Công ty mẹ                  | m <sup>3</sup> | 13.868.942          | 13.911.149        | 100,30              |
| 2   | <b>Tỷ lệ nước thu tiền</b>              | %              | <b>77,40</b>        | <b>77,03</b>      | <b>99,52</b>        |
| 3   | <b>M<sup>3</sup> nước thu được tiền</b> | m <sup>3</sup> | <b>13.234.579</b>   | <b>13.271.707</b> | <b>100,28</b>       |

### 2. Thực hiện doanh thu năm 2017:

| TT  | CHỈ TIÊU   | ĐV          | Nghị quyết ĐHCĐ 2017   | Thực hiện 2017         | % TH/NQ       |
|-----|--|-------------|------------------------|------------------------|---------------|
|     | (1)  | (2)         | (3)                    | (4)                    | 5=4/3         |
| 1   | <b>Doanh thu+thu nhậpkhác</b>                                    | <b>Đồng</b> | <b>161.856.772.517</b> | <b>164.064.705.541</b> | <b>101,36</b> |
| 1.1 | Doanh thu tiền nước (không bao gồm thuế, phí)                    | Đồng        | 161.300.772.517        | 163.244.807.372        | 101,20        |
| 1.2 | Xây lắp +bồi hoàn+ HĐTC+ thu nhập khác( không bao gồm thuế, phí) | Đồng        | 556.000.000            | 819.898.169            | 147,46        |

### 3. Hiệu quả tài chính năm 2017:

| STT | CHỈ TIÊU                                   | Đơn vị | NQ ĐH CĐ 2017   | Thực hiện 2017  | Đạt %  |
|-----|--|--------|-----------------|-----------------|--------|
| 1   | Vốn điều lệ                                | Đồng   | 55.000.000.000  | 55.000.000.000  | 100    |
| 2   | Doanh thu+Thu nhập khác ( không thuế, phí) | Đồng   | 161.856.772.517 | 164.064.705.541 | 101,36 |
| 2.1 | Tiền nước                                  | Đồng   | 161.300.772.517 | 163.244.807.372 | 101,20 |
| 2.2 | Xây lắp +Bồi hoàn                          | Đồng   | 386.000.000     | 636.465.326     | 164,88 |
| 2.3 | Doanh thu tài chính                        | Đồng   | 170.000.000     | 131.421.668     | 77,30  |
| 2.4 | Thu nhập khác                              | Đồng   |                 | 52.011.175      |        |
| 3   | Tổng chi phí                               | Đồng   | 144.763.000.000 | 140.704.654.370 | 97,20  |
| 4   | Nộp ngân sách                              | Đồng   | 26.600.000.000  | 30.840.487.241  | 115,94 |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế                       | Đồng   | 17.093.351.769  | 23.360.051.171  | 136,66 |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế                         | Đồng   | 13.674.681.415  | 18.685.317.764  | 136,64 |
| 7   | Tỷ lệ LNST/vốn điều lệ                     | %      | 24,86           | 33,97           | 136,64 |
| 8   | Lãi cơ bản/1 cổ phiếu (EPS)                | Đồng   | 2.486           | 3.397           | 136,64 |
| 9   | Tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ                  | %      | 20              |                 |        |
| 10  | Lao động bình quân                         | Người  | 115             | 111             | 96,52  |
| 11  | Thu nhập bình quân/người/tháng             | Đồng   | 10.700.000      | 13.610.000      | 127,20 |

**4. Thực hiện đầu tư XDCB so với Nghị quyết ĐH cổ đông năm 2017:**

| <b>TT</b> | <b>Dự án</b>  | <b>ĐV tính</b> | <b>NQ ĐH CĐ 2017</b> | <b>Thực hiện 2017</b> | <b>Ghi chú</b>                   |
|-----------|---|----------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------|
| 1         | Dự án chống TTTT Ô23A KV3.01  | Đồng           | 4.432.165.000        | 4.307.830.490         |                                  |
| 2         | Dự án chống TTTT Ô23A KV3.02  | Đồng           | 2.824.452.000        | 2.676.548.185         |                                  |
| 3         | Dự án cải tạo các tuyến phố kết hợp tiến độ UBND Quận( Phan Chu Trinh, Đặng Thái Thân, Phạm Ngũ Lão, Bông nhuộm, Ngô Quyền, Quán Sứ, Vọng Đức, Ngô Huyện) | Đồng           | 1.886.533.000        | 1.592.844.192         |                                  |
| 4         | Dự án chống TTTT Ô23C KV1B +2+3   | Đồng           | 17.973.969.369       | 15.496.819.255        |                                  |
| 5         | Dự án chống TTTT Ô 22B  | Đồng           | 21.354.210.801       | 9.505.888.638         | Giá trị còn lại chuyển sang 2018 |
| 6         | Dự án cải tạo các tuyến phố kết hợp tiến độ UBND Quận( Phạm Sứ Mạnh, Nguyễn Khắc Cần, Ngô Trảng Tiên, Quang Trung, Lê Thánh Tông và các tuyến phố khác)   | Đồng           | 1.700.000.000        | 1.117.735.993         |                                  |

| TT | Dự án   | ĐV<br>tính  | NQ ĐH CĐ<br>2017      | Thực hiện 2017                         | Ghi chú   |
|----|---|-------------|-----------------------|--|---|
| 7  | Khoan thay thế giếng H8   | Đồng        | 2.500.000.000         | Chưa thực hiện do chưa có vị trí khoan | Chuyển sang 2018                                  |
| 8  | Mua máy chủ DVKH  | Đồng        | 164.000.000           |  | Chuyển sang 2018                                  |
| 9  | Mua máy rò van  | Đồng        |                       | 63.800.000                             | Bổ sung kế hoạch phục vụ SXKD                     |
| 10 | Mua máy tìm kiếm rò rỉ  | Đồng        |                       | 291.500.000                            | Bổ sung kế hoạch phục vụ SXKD                     |
| 11 | Thay thế ĐH tổng và lắp đường truyền ĐH Hàng Trống, Hàng Mắm, Thanh yên | Đồng        | 460.000.000           | 664.374.183                            | Thực hiện năm 2017, Thanh quyết toán tháng 1/2018 |
| 12 | Dự án chống TTTT Ô23A.12 ( Chuẩn bị đầu tư)                             | Đồng        | 100.000.000           | Dừng thực hiện                         |   |
| 13 | Dự án chống TTTT Ô23B   | Đồng        | 1.280.004.050         | Chuẩn bị đầu tư                        | Chuyển sang 2018                                  |
|    | <b>Tổng cộng</b>  | <b>Đồng</b> | <b>54.675.334.220</b> | <b>35.717.340.936</b>                  |   |

Trong năm 2017 việc thực hiện đầu tư XDCB các dự án cơ bản đã hoàn thành các dự án lớn như Ô 23C và Ô 22B cũng đã triển khai nhằm tăng tỷ lệ nước thu được tiền. Tuy nhiên giá trị thực hiện nguồn vốn KHCB đạt 65.32% giá trị trong đó có dự án Ô 22B thực hiện được trên 40% giá trị đầu tư khối lượng còn lại chuyển tiếp sang 2018 . Dự án các tuyến phố kết hợp với UBND Quận cũng đã triển khai kịp thời và song hành nhằm tiết kiệm được chi phí hoàn trả hệ đường và chống TTTT nâng cao mức độ dịch vụ cấp nước cho khách hàng. Một số hạng mục khác như khoan thay thế giếng H8, Dự án chống TTTT Ô23B ...chưa thực hiện được sẽ chuyển sang kế hoạch năm 2018.

5. Thực hiện đầu tư vốn sửa chữa so với Nghị quyết ĐH cổ đông năm 2017:

| TT | Dự án   | ĐV<br>tính  | NQ ĐHCĐ<br>2017       | Thực hiện 2017       | Ghi<br>chú       |
|----|---|-------------|-----------------------|----------------------|------------------|
| 1  | Dự án cải tạo các tuyến phố kết hợp tiến độ UBND Quận( Phan Chu Trinh, Đặng Thái Thân, Phạm Ngũ Lão, Bông nhuộm, Ngô Quyền, Quán Sứ, Vọng Đức, Ngõ Huyện) | Đồng        | 783.496.000           | 714.169.106          |                  |
| 2  | Dự án chống TTTT Ô23A KV3.01  | Đồng        | 228.576.000           | 431.322.887          |                  |
| 3  | Dự án chống TTTT Ô23A KV3.02  | Đồng        | 342.214.564           | 269.054.763          |                  |
| 4  | Dự án chống TTTT Ô23C KV1B +2+3   | Đồng        | 4.987.118.809         | 2.100.417.829        |                  |
| 5  | Dự án chống TTTT Ô 22B  | Đồng        | 5.836.063.551         |                      | Chuyển tiếp 2018 |
| 6  | Dự án cải tạo các tuyến phố kết hợp tiến độ UBND Quận( Phạm Sứ Mạnh, Nguyễn Khắc Cần, Ngõ Tràng Tiền, Quang Trung, Lê Thánh Tông và các tuyến phố khác)   | Đồng        | 1.500.000.000         | 403.270.727          |                  |
| 7  | Cải tạo VP làm việc nhà A và nhà tròn Công ty   | Đồng        | 2.500.000.000         | 2.908.477.814        |                  |
| 8  | Nâng cấp hệ thống đường truyền thông số từ các giếng về HTTT Trạm Đồn Thủy  | Đồng        | 350.000.000           | 399.641.000          |                  |
| 9  | Sửa chữa văn phòng làm việc Trạm Đồn Thủy   | Đồng        | 350.000.000           | 135.981.021          |                  |
|    | <b>Tổng cộng</b>  | <b>đồng</b> | <b>16.868.468.924</b> | <b>7.362.335.147</b> |                  |

Trong năm 2017 với kế hoạch là: **16.868.468.924đ** giá trị thực hiện đầu tư vốn sửa chữa phục vụ sản xuất đạt **7.362.335.147đ**.

Trong đó còn lại **5.836.063.551đ** thuộc dự án ô22B chuyển tiếp sang 2018 thực hiện và Hạng mục : Xử lý dây truyền công nghệ CLN Trạm Đồn Thủy chuyển xử lý tiếp 2018 ( TDT: **1.400.000.000đ**)

#### 6. Thực hiện thay đồng hồ định kỳ:

| Nội dung                        | NQ ĐHCĐ năm 2017 | TH 2017      | Đạt % so với NQ ĐH CĐ năm 2017 |
|---------------------------------|------------------|--------------|--------------------------------|
| Thay đồng hồ định kỳ D15, D>=20 | 6.899            | 5.227        |                                |
| Thay ĐH định kỳ dự án 23C       |                  | 1.031        |                                |
| <b>Tổng cộng</b>                | <b>6.899</b>     | <b>6.258</b> | <b>90,7</b>                    |

Trong năm 2017 thi công ĐHKĐ được: **6.258 ĐH. Đạt 90,7% KH .**

Số lượng còn lại: **641 ĐH** thuộc dự án Ô 22B chờ kết hợp với dự án .

#### 7. Thực hiện đối chuẩn đồng hồ 15:

| Nội dung                      | NQ ĐHCĐ năm 2017     | TH 2017              | Đạt % so với NQ ĐH CĐ năm 2017 |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|--------------------------------|
| Dự án chống TTTT Ô 23C KV1B23 | 1.493.000.000        | 1.938.125.076        | 129,81                         |
| Dự án chống TTTT Ô22B         | 1.108.750.000        | Chuyển tiếp 2018     |                                |
| Dự án chống TTTT Ô 23A-KV3.02 | 30.000.000           | 94.871.616           |                                |
| <b>Tổng kinh phí (đồng)</b>   | <b>2.631.750.000</b> | <b>2.032.996.692</b> | <b>77,24</b>                   |

#### 8. Công nợ tiền nước:

- Tổng số khách hàng không phát sinh: **696 KH** chiếm **1,94%**, giảm **1%** so với năm 2016.

- Tổng số tiền nợ tồn toàn Công ty 2017: **278.271.116đ**. Trong đó nợ tồn năm 2017 chiếm **0,13%**. Nợ tồn năm 2014, 2015 chiếm **0,02%**.



### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH THỰC KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2017

#### 1. Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017

##### • Thuận lợi:

- Quận Hoàn Kiếm có nhiều lợi thế, nhỏ, gọn, khách hàng tập trung dễ quản lý. Đây là quận có hoạt động dịch vụ thương mại, trung tâm của thủ đô với nhiều nhà hàng, khách sạn kinh doanh, khách hàng có nhu cầu sử dụng lớn như bệnh viện Việt Đức, bệnh viện Phụ sản Trung ương... Nhu cầu dùng nước nhiều, đơn giá nước cao.

- Có tỷ trọng m<sup>3</sup> nước thu tiền kinh doanh, dịch vụ cao chiếm 31.46% .

- Nguồn cấp nước thuận lợi, trong đó có nguồn nước tự sản xuất của trạm Đồn Thủy chiếm 19,26 % nguồn cấp vào nên Công ty đã chủ động điều tiết nguồn cấp nước, giá thành thấp đem lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Đội ngũ thanh niên trẻ, nhiệt tình có trình độ, ý thức trách nhiệm và tập thể CBCNV có quyết tâm cao vì mục tiêu phát triển chung của Công ty.

##### • Khó khăn:

- Hệ thống mạng lưới cấp nước tuy đã được cải tạo qua nhiều giai đoạn song vẫn chưa đồng bộ và còn một số khu vực như Ô 23B, Ô23A.KV1,2 cải tạo từ năm 2001 đến nay đã 17 năm và Ô22A từ năm 2010 là những yếu tố khó khăn trong việc vận hành mạng lưới cấp nước.

- Công tác ghi đọc đồng hồ gặp nhiều khó khăn do địa thế chật hẹp, vướng hàng hóa nên không thuận tiện cho nhân viên ghi đọc chỉ số.

- Là quận trung tâm phố cổ nên công tác sửa chữa, cải tạo cấp nước, thay thế đồng hồ ABC, đồng hồ định kỳ, di chuyển đồng hồ... còn gặp nhiều khó khăn về việc cấp phép đào hè do UBND Quận Hoàn Kiếm quản lý.

#### 2. Đánh giá kết quả đạt được

##### a. Kết quả đạt được các chỉ tiêu chính:

Với những thuận lợi và khó khăn thách thức trong năm qua, song được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Công ty, sự phối hợp của các đơn vị, phòng ban Công ty và sự cố gắng nỗ lực từ Ban lãnh đạo Công ty, đến toàn thể cán bộ CNV trong Công ty CP Nước sạch số 3 Hà Nội, công tác SXKD năm 2017 Công ty cũng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị Công ty Nước Sạch Hà Nội giao, đảm bảo cấp nước ổn định cho nhân dân trên địa bàn Quận Hoàn Kiếm, không để xảy ra các điểm nóng về thiếu nước kéo dài và cũng cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội về doanh thu, chống thất thoát thất thu, phát triển khách hàng, đảm bảo thu nhập và đời sống người lao động từng bước nâng cao

Năm 2017 mặc dù đã cố gắng phấn đấu song chỉ đạt được chỉ tiêu doanh thu, tỷ lệ nước thu được tiền còn thiếu 0,35%, cụ thể:

- + Doanh thu năm 2017: **187.699.527.073đ** đạt **101,19%** so với kế hoạch.
- + Tỷ lệ nước thu được tiền năm 2017: **77,03%**, đạt **99,52%** so với kế hoạch.
- + Tổng sản lượng sản xuất nước trạm Đồn Thủy năm 2017: **3.318.562m<sup>3</sup>**.  
Đạt **102,73%** so với kế hoạch.

***Đánh giá nguyên nhân, lý do việc thực hiện các chỉ tiêu trên:***

***\* Các mặt làm được trong năm 2017:***

- Được sự quan tâm của Lãnh đạo Công ty và sự giúp đỡ phối hợp của các phòng, ban, đơn vị trong Công ty. Sự chỉ đạo của HĐQT Công ty CP SXKD Nước sạch số 3 Hà nội.
- Sự ủng hộ và phối hợp của UBND Quận và 18 phường trong địa bàn Quận Hoàn Kiếm
- Công tác ghi thu được nâng cao và tiến triển tới từng nhân viên, ghi đúng thu đủ theo kế hoạch.
- Công tác vận hành mạng lưới cấp nước trên địa bàn đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng. Mức độ dịch vụ cấp nước tốt hơn so với năm 2016, các khu vực khó khăn về nước cũng được khắc phục cơ bản.
- Công tác quản lý hệ thống đồng hồ tổng được nâng cao, thường xuyên, chặt chẽ và kịp thời. Hệ thống ĐHT đã ổn định để theo dõi cấp nước cho các đội QLDB.
- Hệ thống van phân phối trên mạng lưới đã kiểm soát và vận hành tốt.
- Phát hiện và xử lý kịp thời sớm nhất, nhanh nhất các điểm vỡ và cháy đường ống cấp nước trên địa bàn quản lý giảm thất thoát thương mại. Công tác phối hợp với các Ban QLDA Quận để thay thế các ngõ, phố đạt hiệu quả nhằm tiết kiệm chi phí hoàn trả hè đường.
- Kịp thời thay thế các đồng hồ ABC ngay khi phát hiện trong tháng & di chuyển các đồng hồ từ trong ra ngoài đảm bảo cho công tác quản lý.
- Công tác thanh kiểm tra, kiểm soát các khách hàng cơ quan, kinh doanh dịch vụ, áp giá đúng định mức khách hàng sử dụng được kịp thời và hiệu quả.
- Dự án Ô23A.KV3.02 đạt hiệu quả từ tháng 5/2017, dự án Ô 23CKV1B+2+3 đạt hiệu quả từ tháng 9/2017 Tăng 15% tỷ lệ nước thu được tiền sau khi cải tạo dự án góp phần giảm thất thoát trong Ô và tăng tỷ lệ nước thu tiền Công ty.
- Nguồn cấp nước của Công ty ổn định, điều chỉnh được áp lực và giờ bơm hợp lý đáp ứng nhu cầu của khách hàng từ quý III/2017 do đó tăng doanh thu tiền nước tăng cao đặc biệt trong những tháng cuối năm 2017.

***\* Những mặt khó khăn chưa làm được:***

- Là quận trung tâm phố cổ nên công tác thi công cải tạo các dự án chống TTTT, thay thế nâng cấp mạng lưới đường ống nước, di chuyển đồng hồ còn gặp nhiều khó khăn do việc cấp phép đào hè của UBND quận Hoàn Kiếm.

- Triển khai các dự án chống TTTT Ô 23C, Ô22B sử dụng vốn đầu tư cơ bản tiến độ còn chậm, chưa đúng tiến độ do vướng mắc các thủ tục về xin phép UBND Quận hè đá và khó khăn trong thi công nên chưa triển khai đúng tiến độ là một phần nguyên nhân không đạt được tỷ lệ nước theo kế hoạch năm 2017.

***b. Đánh giá công tác thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành năm 2017:***

Trong năm 2017 công tác điều hành Ban giám đốc đã thực hiện theo đúng nhiệm vụ được giao để điều hành công tác sản xuất kinh doanh như sau:

Điều hành và giải quyết các công việc hàng ngày trong Công ty. Hàng tuần điều hành sát sao trong công tác vận hành mạng lưới cấp nước phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh. Hàng tháng điều hành và đôn đốc các bộ phận trong Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư và thực hiện các dự án vốn KHCB, sửa chữa lớn.

Năm 2017 công tác vận hành mạng lưới cấp nước đã được nâng cao, mức độ dịch vụ đã tốt hơn 2016 đặc biệt từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2017 mức độ dịch vụ cấp nước tăng cao trong mùa hè.

Mặc dù Ban điều hành đã cố gắng nỗ lực tuy nhiên có 01 chỉ tiêu doanh thu đạt và vượt kế hoạch (Tăng hơn 2tỷ đồng so với kế hoạch). Chỉ tiêu tỷ lệ nước thu được tiền không hoàn thành kế hoạch do nhiều nguyên nhân lý do chủ quan và khách quan (Đã phân tích ở trên). Các chỉ tiêu kinh tế tài chính đều đạt và vượt kế hoạch ( trong đó có chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 136,64% so với kế hoạch).

Công tác dịch vụ công được nâng cao, thu nhập cán bộ công nhân viên từng bước nâng cao rõ rệt.

Ngoài ra các công tác khác thực hiện theo đúng nhiệm vụ và đúng quy định của nhà nước và pháp luật.

## PHẦN II: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

**\* Các căn cứ:**

- Căn cứ Quyết định số 3782/QĐ – UBND ngày 07/8/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chuyển Xi nghiệp KDNS Hoàn Kiếm thành Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội.

- Căn cứ vào kết quả thực hiện SXKD năm 2017 của Công ty CP SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội;

- Căn cứ vào Quyết định số 01/NS3 –HĐQT ngày 01 tháng 01 năm 2018 về việc phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty Cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội.

**Công ty cổ phần Nước sạch số 3 Hà Nội xây dựng kế hoạch phát triển SXKD năm 2018 cụ thể như sau:**

**CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN 2018:**

| <i>TT</i> | <i>Chỉ tiêu</i>                       | <i>ĐV</i>      | <i>Thực hiện năm 2017</i> | <i>Kế hoạch năm 2018</i> | <i>% KH 2018/2017</i> |
|-----------|---------------------------------------|----------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------|
| <i>1</i>  | <i>2</i>                              | <i>3</i>       | <i>4</i>                  | <i>5</i>                 | <i>6=5/4</i>          |
| <b>I</b>  | <b>Chỉ tiêu SXKD</b>                  |                |                           |                          |                       |
| 1         | Tổng nước nguồn                       | M <sup>3</sup> | 17.229.711                | 16.585.937               | 96,26                 |
| -         | Nước sản xuất                         | M <sup>3</sup> | 3.318.562                 | 3.248.500                | 97,89                 |
| -         | Mua nước từ Công ty NSHN              | M <sup>3</sup> | 13.911.149                | 13.337.437               | 95,87                 |
| 2         | Tỷ lệ nước thu tiền                   | %              | 77,03                     | 80,00                    | 103,85                |
| 3         | M <sup>3</sup> nước thu được tiền     | M <sup>3</sup> | 13.271.707                | 13.268.748               | 99,98                 |
| 4         | Doanh thu tiền nước<br>( có thuế phí) | Triệu đồng     | 187.492                   | 187.500                  | 100                   |
| 5         | Phát triển khách hàng                 | KH             | 384                       | 120                      | 31,25                 |
| 6         | Tiêu chuẩn cấp nước                   | Lít/người/ngày | 121                       | 121                      | 100                   |
| 7         | Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước     | %              | 100                       | 100                      | 100                   |

| <i>TT</i> | <i>Chỉ tiêu</i>   | <i>ĐV</i>         | <i>Thực hiện<br/>2017</i> | <i>Kế hoạch<br/>2018</i> | <i>%KH<br/>2018/2017</i> |
|-----------|---|-------------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu kinh tế tài chính</b>                           |                   |                           |                          |                          |
| 1         | Tổng doanh thu và thu nhập khác (không bao gồm thuế và phí) | Triệu đồng        | 164.064                   | 163.709                  | 99,78                    |
| 1.1       | <i>Doanh thu tiền nước</i>                                  | <i>Triệu đồng</i> | <i>163.244</i>            | <i>163.044</i>           | <i>99,88</i>             |
| 1.2       | <i>Xây lắp, HĐ Tài chính Thu nhập khác</i>                  | <i>Triệu đồng</i> | <i>820</i>                | <i>665</i>               | <i>81,09</i>             |
| 2         | Tổng chi phí SXKD   | Triệu đồng        | 140.704                   | 145.815                  | 103,63                   |
| 3         | Nộp ngân sách   | Triệu đồng        | 30.840                    | 28.450                   | 92,25                    |
| 4         | Lợi nhuận trước thuế  | Triệu đồng        | 23.360                    | 17.893                   | 76,60                    |
| 5         | Lợi nhuận sau thuế  | Triệu đồng        | 18.685                    | 14.314                   | 76,60                    |
| 6         | Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ                                      | %                 | 33,97                     | 26,03                    | 76,62                    |
| 7         | Lãi cơ bản/ 1 cổ phiếu (EPS)                                | Đồng              | 3.397                     | 2.602                    | 76,60                    |
| 8         | Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ                                    | %                 | 20                        | 20                       | 100                      |
| 9         | Thu nhập bình quân  | đ/người/tháng     | 13.610.000                | 13.000.000               | 95,52                    |

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHẤU HAO CƠ BẢN NĂM 2018**

| TT       | Nội dung công việc                      | Dự kiến TMDT (đ)      | Kế hoạch 2018 (đ)     | Vốn KHCB được sử dụng (đ) | Vốn vay Ngân hàng (đ) | Tiến độ |        |         |        |
|----------|---|-----------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|---------|--------|---------|--------|
|          |   |                       |                       |                           |                       | Quý I   | Quý II | Quý III | Quý IV |
| <b>A</b> | <b>KH sử dụng vốn KHCB mua sắm TS</b>   | <b>100 000 000</b>    | <b>100 000 000</b>    | <b>100 000 000</b>        |                       |         |        |         |        |
| 1        | Máy chủ DVKH                            | 100 000 000           | 100 000 000           | 100 000 000               |                       | x       |        |         |        |
| <b>B</b> | <b>KH sử dụng vốn KHCB đầu tư dự án</b> | <b>49 083 993 542</b> | <b>39 578 104 904</b> | <b>13 675 620 981</b>     | <b>25 902 483 923</b> |         |        |         |        |
| <b>I</b> | <b>Dự án chuyển tiếp năm 2017</b>       | <b>43 383 993 542</b> | <b>33 878 104 904</b> | <b>7 975 620 981</b>      | <b>25 902 483 923</b> |         |        |         |        |
| 1        | Dự án chống TTTT Ô 22B                  | 21 883 993 542        | 12 378 104 904        | 2 475 620 981             | 9 902 483 923         |         | x      |         |        |
| 2        | Dự án chống TTTT Ô 23B                  | 20 000 000 000        | 20 000 000 000        | 4 000 000 000             | 16 000 000 000        |         | x      |         |        |
| 3        | Khoan thay thế giếng H8                 | 1 500 000 000         | 1 500 000 000         | 1 500 000 000             |                       |         |        | x       |        |

|           |   |                       |                       |                       |                       |  |  |   |   |
|-----------|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--|--|---|---|
| <b>II</b> | <b>Dự án mới năm 2018</b>                   | <b>5 700 000 000</b>  | <b>5 700 000 000</b>  | <b>5 700 000 000</b>  |                       |  |  |   |   |
| 1         | Lắp đặt phần mềm<br>QLKH (GĐ1)              | 1 200 000 000         | 1 200 000 000         | 1 200 000 000         |                       |  |  | X | X |
| 2         | Lắp đặt phần mềm<br>QLML(GĐ1)               | 2 500 000 000         | 2 500 000 000         | 2 500 000 000         |                       |  |  | X | X |
| 3         | Thay thế tuyến ống nước<br>thô D300 Trạm ĐT | 500 000 000           | 500 000 000           | 500 000 000           |                       |  |  | X |   |
| 4         | Dự án kết hợp các tuyến<br>phố Quận HK      | 1 500 000 000         | 1 500 000 000         | 1 500 000 000         |                       |  |  | X | X |
|           | <b>Tổng cộng:(A+B)</b>                      | <b>49 183 993 542</b> | <b>39 678 104 904</b> | <b>13 775 620 981</b> | <b>25 902 483 923</b> |  |  |   |   |

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NGUỒN VỐN SỬA CHỮA LỚN PHÂN BỐ NĂM 2018**

| <b>TT</b> | <b>TÊN DỰ ÁN</b>                             | <b>ĐƠN VỊ TÍNH</b> | <b>KẾ HOẠCH 2018</b>  | <b>TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN</b> | <b>TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN</b> |
|-----------|--|--------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1         | Dự án chống TTTT Ô22B                        | đồng               | 5.827.610.147         | Quý II/2018              | Dự án chuyển tiếp        |
| 2         | Dự án chống TTTT Ô23B                        | đồng               | 3.600.000.000         | Quý III/2018             |                          |
| 3         | Dự án chống TTTT kết hợp UBND Quận           | đồng               | 1.000.000.000         | Quý III/2018             |                          |
| 4         | Xử lý dây truyền công nghệ CLN Trạm Đồn Thủy | đồng               | 1.400.000.000         | Quý II/2018              | Dự án chuyển tiếp        |
|           | <b>Tổng cộng</b>                             | đồng               | <b>11.827.610.147</b> |                          |                          |



**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐỐI CHUẨN ĐỒNG HỒ ĐO NƯỚC D15 NĂM 2018**

| <b>T<br/>T</b> | <b>NỘI DUNG</b>       | <b>ĐƠN VỊ</b> | <b>KẾ HOẠCH 2018</b> | <b>TIẾN ĐỘ</b> | <b>GHI CHÚ</b> |
|----------------|-----------------------|---------------|----------------------|----------------|----------------|
| 1              | Dự án chống TTTT Ô23B | đồng          | 500.000.000          | Quý II/2018    |                |
| 2              | Dự án chống TTTT Ô22B | đồng          | 1.108.750.000        | Quý II/2018    |                |
|                | <b>Tổng cộng</b>      | <b>đồng</b>   | <b>1.608.750.000</b> |                |                |

**KẾ HOẠCH THAY THỂ ĐỒNG HỒ ĐỊNH KỲ NĂM 2018**

|   | <b>NỘI DUNG</b>             | <b>ĐƠN VỊ</b> | <b>SỐ LƯỢNG</b> | <b>THÀNH TIỀN</b>    |
|---|-----------------------------|---------------|-----------------|----------------------|
| 1 | Thay đồng hồ định kỳ cỡ 15  | đồng          | 7 231           | 7.507.947.300        |
| 2 | Thay đồng hồ định kỳ cỡ 20  | đồng          | 80              | 320.000.000          |
| 3 | Thay đồng hồ định kỳ cỡ 26  | đồng          | 43              | 215.000.000          |
| 4 | Thay đồng hồ định kỳ cỡ 40  | đồng          | 18              | 450.000.000          |
| 5 | Thay đồng hồ định kỳ cỡ 50  | đồng          | 9               | 270.000.000          |
| 6 | Thay đồng hồ định kỳ cỡ 80  | đồng          | 4               | 140.000.000          |
| 7 | Thay đồng hồ định kỳ cỡ 100 | đồng          | 3               | 120.000.000          |
|   | <b>Tổng cộng</b>            |               | <b>7 388</b>    | <b>9.022.947.300</b> |

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG CHI CÓ TÍNH CHẤT PHÚC LỢI NĂM 2018**

| TT | NỘI DUNG                        | TỔNG MỨC ĐT(Đ) | KẾ HOẠCH 2018 |        |         |        | GHI CHÚ |
|----|---------------------------------|----------------|---------------|--------|---------|--------|---------|
|    |                                 |                | QUÝ I         | QUÝ II | QUÝ III | QUÝ IV |         |
| 1  | Khoản chi có tính chất phúc lợi | 936 000 000    |               |        |         | x      |         |
|    | <b>Tổng cộng</b>                | 936 000 000    |               |        |         |        |         |

*( Theo thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015)*

**KẾ HOẠCH DỰ TRÙ KINH PHÍ BHLĐ, HUẤN LUYỆN AT - VSLĐ - PCCN NĂM 2018**

| TT       | Nội Dung   | Đơn vị tính | Số lượng | Kinh phí dự kiến (đồng) | Đơn vị thực hiện | Thời gian thực hiện |
|----------|--|-------------|----------|-------------------------|------------------|---------------------|
| <b>1</b> | <b>Các biện pháp về kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ; Phòng chống bão lụt</b>   |             |          | <b>22.400.000</b>       |                  |                     |
| -        | Đăng kiểm, bảo dưỡng các thiết bị :<br>Palăng, Cầu trục                                | chiếc       | 2        | 2.500.000               | Trạm Đôn Thủy    | Quý II              |
| -        | Bình clo ≤ 58 kg   | bình        | 6        | 3.000.000               | Trạm Đôn Thủy    | Quý II              |
| -        | Thay thế bổ sung bình chữa cháy đã hết niên hạn sử dụng                                | bình        | 24       | 13.200.000              | Phòng TCHC       | Quý II              |
| -        | Mua áo mưa   | bộ          | 5        | 1.750.000               | Trạm Đôn Thủy    | Quý II              |
| -        | Ủng  | đôi         | 5        | 450.000                 | Trạm Đôn Thủy    | Quý II              |
| -        | Đèn pin  | chiếc       | 5        | 1.500.000               | Trạm Đôn Thủy    | Quý II              |
| <b>2</b> | <b>Các biện pháp kỹ thuật VSLĐ, phòng chống độc hại - cải thiện điều kiện làm việc</b> |             |          | <b>19.900.000</b>       |                  |                     |

|          |   |       |     |                    |               |        |
|----------|---|-------|-----|--------------------|---------------|--------|
| -        | Xà phòng  | kg    | 12  | 1.200.000          | Trạm Đôn Thủy | Quý II |
| -        | Bình dưỡng khí  | bộ    | 1   | 18.700.000         | Trạm Đôn Thủy | Quý II |
| <b>3</b> | <b>Mua sắm trang thiết bị bảo hộ LD:</b>                                    |       |     | <b>862.500.000</b> |               |        |
| -        | Hỗ trợ kinh phí may trang phục (5 triệu/người)                              | người | 115 | 575.000.000        | Phòng KH-KT   | Quý IV |
| -        | Trang bị đồng phục, bảo hộ lao động (2,5 triệu/người)                       | người | 110 | 275.000.000        | Phòng KH-KT   | Quý IV |
| -        | Trang bị đồng phục BHLĐ cho lực lượng bảo vệ chuyên trách (2,5 triệu/người) | người | 5   | 12.500.000         | Phòng KH-KT   | Quý IV |
| <b>4</b> | <b>Chăm sóc sức khỏe người lao động và chăm sóc bệnh nghề nghiệp</b>        |       |     | <b>144.200.000</b> |               | Quý IV |
| -        | Khám sức khỏe định kỳ (1,2triệu/người)                                      | người | 115 | 138.000.000        | Phòng TCHC    | Quý IV |
| -        | Xét nghiệm đường tiêu hóa cho CN trực tiếp nguồn nước                       | người | 14  | 4.200.000          | Phòng TCHC    | Quý IV |
| -        | Mua thuốc sơ cứu ban đầu  |       |     | 2.000.000          | Phòng TCHC    | Quý IV |

|   |   |       |     |                      |                    |        |
|---|---|-------|-----|----------------------|--------------------|--------|
| 5 | <b>Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về AT-VSLĐ- BHLĐ</b>                                       |       |     | <b>29.100.000</b>    | Phòng TCHC         | Quý IV |
| - | Huấn luyện định kỳ AT-VSLĐ cho người sử dụng lao động, người lao động, cán bộ chuyên trách ATLĐ | Người | 106 | 18.300.000           | Phòng TCHC<br>KHKT | Quý IV |
| - | Huấn luyện định kỳ AT-PCCC và xây dựng phương án PCCC được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.     | Người | 12  | 9.600.000            | Phòng TCHC         | Quý IV |
| - | Đào tạo ATLĐ cho CBCNV tiếp xúc trực tiếp với hóa chất  | Người | 8   | 1.200.000            | Trạm Đồn Thủy      | Quý IV |
|   | <b>Tổng cộng :</b>  |       |     | <b>1.078.100.000</b> |                    |        |

## KẾ HOẠCH TRANG BỊ THIẾT BỊ VĂN PHÒNG NĂM 2018

| TT | NỘI DUNG  | ĐƠN VỊ | KH 2018            | GHI CHÚ |
|----|---|--------|--------------------|---------|
| 1  | Mua máy tính, máy in, bàn ghế, máy điều hòa phục vụ CBCNV | đồng   | 300.000.000        |         |
|    | <b>Tổng cộng</b>  |        | <b>300.000.000</b> |         |

| STT | NỘI DUNG  | ĐƠN VỊ | SỐ LƯỢNG | GIÁ TRỊ (VNĐ)      | GHI CHÚ |
|-----|---|--------|----------|--------------------|---------|
| 1   | Mua máy tính, máy in, bàn ghế, máy điều hòa phục vụ CBCNV | đồng   | 1        | 300.000.000        |         |
|     | <b>Tổng cộng</b>  |        |          | <b>300.000.000</b> |         |

## PHẦN III

### CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH 2018

#### 1. Công tác quản lý vốn, tài sản

- Quản lý tốt và sử dụng hiệu quả tài sản, nguồn vốn và phát triển nguồn vốn của Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng tài sản đáp ứng cho nhu cầu sản xuất.

#### 2. Công tác tổ chức

- Sắp xếp, củng cố nhân sự phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty CP, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc, đáp ứng quy trình đổi mới doanh nghiệp, tăng thu nhập người lao động.

#### 3. Công tác chống thất thu, thất thoát

Công tác chống TTTT là trọng tâm để nâng cao tỷ lệ nước thu được tiền để đạt mục tiêu 80% trong năm 2018:

- Nâng cao công tác quản lý kỹ thuật, VHML, quản lý tốt đồng hồ đo đếm của khách hàng, thay thế đồng hồ ABC, đồng hồ định kỳ, di chuyển ĐH kịp thời.
- Cải tạo thay thế MLCN, thử áp lực để phát hiện các điểm thất thoát.
- Thực hiện đầu tư các dự án chống TTTT năm 2018 hiệu quả đúng tiến độ để giảm tỷ lệ TT tăng tỷ lệ nước thu tiền, nâng cao dịch vụ cấp nước cho khách hàng.

#### 4. Công tác sản xuất

Duy trì sản xuất cấp nước ổn định, đảm bảo chất lượng nước theo đúng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng bảo trì các máy móc. Khai thác và phát huy tối đa công suất Trạm Đồn Thủy nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất.

#### 5. Công tác quản lý mạng lưới

Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đồng hồ tổng tiến tới giao chỉ tiêu quản lý từng Ô, đội, khu vực đã được cải tạo DA; chủ động điều hành MLCN trên toàn địa bàn nâng cao mức độ dịch vụ khách hàng, áp dụng công nghệ thông tin trong QLMLCN.

#### 6. Công tác kinh doanh

Nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo nhân viên ghi thu ghi đúng, thu đủ. Giải quyết và xử lý triệt để công tác nợ tồn, đầu máy không phát sinh. Nâng cao công tác dịch vụ công và quản lý khách hàng bằng công nghệ ứng dụng.

#### 7. Công tác thanh kiểm tra

Tiến hành rà soát lại công tác quản lý khách hàng, áp giá khách hàng đúng với quy định, giải quyết và xử lý triệt để công tác nợ tồn.

#### 8. Công tác tài chính và đầu tư



- Cơ cấu nguồn vốn, cân đối đủ nguồn vốn cho SXKD và đầu tư, sử dụng vốn đúng mục đích, quản lý chặt chẽ, bảo toàn và phát triển.

#### **9. Công tác Đảng, Đoàn trong Công ty**

- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Đảng cấp trên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành.

- Phát động các phong trào thi đua nhằm động viên các bộ phận đơn vị hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng kịp thời các cá nhân và bộ phận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

#### **10. Công tác quản trị và điều hành:**

- Hiệu quả hoạt động của Công ty gắn liền với việc điều hành của BGD Công ty thông qua việc giao các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như doanh thu, lợi nhuận, các chỉ tiêu tài chính, tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Tiếp tục rà soát, đổi mới cơ cấu các phòng ban chức năng theo hướng tinh gọn, hiệu quả nhằm phát huy hiệu quả tối đa năng suất người lao động đáp ứng được mô hình chuyển đổi của doanh nghiệp.

Trên đây là nội dung báo cáo của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội trình trước đại hội cổ đông về kết quả kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**CÔNG TY CP SXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HN**



**Giám đốc**

*[Handwritten signature]*  
**Nguyễn Đình Tiên**